UBND HUYỆN ĐẮK SONG

**TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG THẾ VINH**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

ĐẮK NÔNG - 2023

UBND HUYỆN ĐẮK SONG

**TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG THẾ VINH**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

 **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Trần Xuân Yên | Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng |  |
| 2 | Hán Văn Tuấn | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
| 3 | Trịnh Ngọc Trung | Phó Chủ tịch BCH công đoàn | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh | Giáo viên | Thư ký Hội đồng |  |
| 5 | Đinh Thị Dinh | Tổ trưởng Tổ văn phòng | Ủy viên Hội đồng |  |
| 6 | Lê Thị Mai | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 7 | Hoàng Thị Hà | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 8 | Lê Ngọc Cường | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 9 | Bùi Thị Út | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 10 | Nguyễn Thị Duyên | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 11 | Nguyễn Văn Duy | Y Tế | Ủy viên Hội đồng |  |

ĐẮK NÔNG - 2023

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| **Mục lục** | **1** |
| **Danh mục các chữ viết tắt** | **4** |
| **Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá** | **5** |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | **7** |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **13** |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | **13** |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **14** |
| **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3** | **14** |
| **Tiêu chuẩn 1** | **14** |
| **Mở đầu** | **14** |
| **Tiêu chí 1.1** | **14** |
| **Tiêu chí 1.2** | **16** |
| **Tiêu chí 1.3** | **17** |
| **Tiêu chí 1.4** | **18** |
| **Tiêu chí 1.5** | **19** |
| **Tiêu chí 1.6** | **20** |
| **Tiêu chí 1.7** | **22** |
| **Tiêu chí 1.8** | **22** |
| **Tiêu chí 1.9** | **23** |
| **Tiêu chí 1.10** | **24** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | **25** |
| **Tiêu chuẩn 2** | **26** |
| **Mở đầu** | **26** |
| **Tiêu chí 2.1** | **26** |
| **Tiêu chí 2.2** | **27** |
| **Tiêu chí 2.3** | **29** |
| **Tiêu chí 2.4** | **30** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | **31** |
| **Tiêu chuẩn 3** | **32** |
| **Mở đầu** | **32** |
| **Tiêu chí 3.1** | **32** |
| **Tiêu chí 3.2** | **33** |
| **Tiêu chí 3.3** | **34** |
| **Tiêu chí 3.4** | **35** |
| **Tiêu chí 3.5** | **37** |
| **Tiêu chí 3.6** | **38** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | **39** |
| **Tiêu chuẩn 4** | **39** |
| **Mở đầu** | **39** |
| **Tiêu chí 4.1** | **39** |
| **Tiêu chí 4.2** | **40** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | **42** |
| **Tiêu chuẩn 5** | **43** |
| **Mở đầu** | **43** |
| **Tiêu chí 5.1** | **43** |
| **Tiêu chí 5.2** | **44** |
| **Tiêu chí 5.3** | **45** |
| **Tiêu chí 5.4** | **46** |
| **Tiêu chí 5.5** | **47** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | **48** |
| **II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**  | **48** |
| **Tiêu chí 1** | **49** |
| **Tiêu chí 2** | **49** |
| **Tiêu chí 3** | **49** |
| **Tiêu chí 4** | **49** |
| **Tiêu chí 5** | **49** |
| ***Kết luận*** | **50** |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | **50** |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | **51** |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm từ viết tắt** | **Cụm từ đầy đủ** |
| 1 | ✔ | Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2. |
| 2 | BGH | Ban giám hiệu |
| 3 | Cha mẹ học sinh | CMHS |
| 4 | GV | Giáo viên |
| 5 | HĐGD | Hoạt động giáo dục |
| 6 | HS | Học sinh |
| 7 | NGLL | Ngoài giờ lên lớp |
| 8 | PCGD | Phổ cập giáo dục |
| 9 | PGD&ĐT | Phòng Giáo dục va Đào tạo |
| 10 | PH | Phụ huynh |
| 11 | PHHS | Phụ huynh học sinh |
| 12 | TH | Tiểu học |
| 13 | TNST | Trải nghiệm sáng tạo |
| 14 | UBND | Uỷ ban nhân dân |
| 15 | VBHN-VPQH | Văn bản hợp nhất- Văn phòng quốc hội |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,****tiêu chí** | **Kết quả** |
| **Không đạt** | **Đạt** |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.5 |  | X | X | X |

**Kết quả:** Đạt Mức 3

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
|  Tiêu chí 1 |  | X |  |
|  Tiêu chí 2 |  | X |  |
|  Tiêu chí 3 |  | X |  |
|  Tiêu chí 4 |  | X |  |
|  Tiêu chí 5 |  | X |  |

**Kết quả:** Không đạt Mức 4

**2. Kết luận: Trường đạt mức 3**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG THẾ VINH

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: UBND Huyện Đắk Song

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | ĐẮK NÔNG |  | Họ và tênhiệu trưởng | Trần Xuân Yên |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Huyện Đắk Song |  | Điện thoại  | 0979661832 |
| Xã / phường/thị trấn | Xã Đắk Môl |  | Fax |  |
| Đạt CQG | Đạt mức 1 |  | Website |  |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1995 |  | Số điểm trường | 2 |
| Công lập | √ |  | Loại hình khác  |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khăn |  |
| Trường chuyên biệt |  |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** | **Năm học2020-2021** | **Năm học2021-2022** | **Năm học2022-2023** |
| Khối lớp 1 | 2 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| Khối lớp 2 | 2 | 4 | 4 | 4 | 3 |
| Khối lớp 3 | 2 | 3 | 4 | 4 | 4 |
| Khối lớp 4 | 2 | 4 | 3 | 4 | 4 |
| Khối lớp 5 | 2 | 4 | 4 | 3 | 4 |
| **Cộng** | 10 | 19 | 19 | 19 | 19 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** | **Năm học2020-2021** | **Năm học2021-2022** | **Năm học2022-2023** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 20 | 20 | 24 | 26 | 26 |  |
| 1 | Phòng học | 16 | 16 | 19 | 19 | 19 |  |
| a | Phòng kiên cố | 4 | 4 | 10 | 10 | 10 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 12 | 12 | 9 | 9 | 9 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 1 | 1 | 1 | 5 | 5 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 1 | 1 | 1 | 5 | 5 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 3 | 3 | 4 | 2 | 2 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 3 | 3 | 4 | 2 | 2 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính-quản trị | 4 | 4 | 4 | 5 | 5 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 4 | 4 | 4 | 5 | 5 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| **IV** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 |  |
|  | **Cộng** | 25 | 25 | 29 | 33 | 33 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |  |
| Phó hiệu trưởng | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 |  |
| Giáo viên | 26 | 20 | 0 | 7 | 19 | 0 |  |
| Nhân viên | 5 | 1 | 0 | 0 | 3 | 0 |  |
| **Cộng** | 34 | 21 | 0 | 7 | 25 | 0 |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** | **Năm học2020-2021** | **Năm học2021-2022** | **Năm học2022-2023** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 16 | 28 | 29 | 27 | 27 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 1.6 | 1.47 | 1.5 | 1.42 | 1.3 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0.04 | 0.05 | 0.05 | 0.05 | 0.05 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 10 | 13 | 15 | 0 | 0 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** | **Năm học2020-2021** | **Năm học2021-2022** | **Năm học2022-2023** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số học sinh | 343 | 539 | 534 | 526 | 531 |  |
| *- Nữ* | 169 | 251 | 256 | 248 | 249 |  |
| *- Dân tộc* | 8 | 10 | 10 | 8 | 8 |  |
| *- Khối lớp 1* | 73 | 98 | 118 | 93 | 124 |  |
| *- Khối lớp 2* | 72 | 118 | 92 | 111 | 92 |  |
| *- Khối lớp 3* | 62 | 111 | 119 | 98 | 102 |  |
| *- Khối lớp 4* | 71 | 97 | 110 | 117 | 99 |  |
| *- Khối lớp 5* | 65 | 115 | 95 | 107 | 114 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 73 | 98 | 118 | 90 | 124 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 343 | 539 | 205 | 274 | 120 |  |
| 4 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp | 34 | 28 | 28 | 27.7 | 27.9 |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 345 | 537 | 533 | 511 | 121 |  |
| *- Nữ* | 169 | 251 | 256 | 245 | 58 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 8 | 10 | 10 |  |  |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách |  |  |  |  |  |  |
| *- Nữ* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |  |

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** | **Năm học2020-2021** | **Năm học2021-2022** | **Năm học2022-2023** | **Ghi chú** |
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |  |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |  |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |  |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

 1. Tình hình chung của nhà trường

 Trường Tiểu học Lương Thế Vinh thuộc địa bàn thôn Đăk Sơn, xã Đăk Mol, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông được thành lập từ năm 1995, theo Quyết định số 55/QĐ-UBND, ngày 31/12/1995 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Lăk. Qua 26 năm xây dựng và phát triển, được sự quan tâm của các cấp quản lý, sự nỗ lực của tập thể hội đồng sư phạm,luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.Trường TH Lương Thế Vinh được công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia theo quyết định số 227/QĐ-UBND, Ngày 25 tháng 01 năm 2022.  Cơ cấu tổ chức của nhà trường đầy đủ: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, hội và các chi hội cha mẹ học sinh…

 Tới năm học 2022 - 2023, toàn trường có 34 quản lý, giáo viên, nhân viên. Đội ngũ viên chức khá đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ; 19 lớp/526 học sinh, học sinh dân tộc 8/526 chiếm tỉ lệ 1.5%. Nhà trường luôn tham gia đầy đủ, hiệu quả các hội thi của giáo viên, hội giao lưu cho học sinh do các cấp tổ chức. Hằng năm, 100% viên chức được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó hơn 80% viên chức được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

 Về cơ sở vật chất: Trường có 02 điểm trường, tổng diện tích đất 14.844 m2(bình quân 28 m2/học sinh); 19 phòng học, trong đó: kiên cố 10 phòng, bán kiên cố 09 phòng; khối phòng phục vụ học tập có 05 phòng; khối phòng hành chính quản trị có 06 phòng; 01 phòng thư viện.

 Với thực trạng trên, nhà trường có một số thuận lợi và khó khăn như sau:

***\* Thuận lợi:***

 - Nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, của Ngành Giáo dục và Đào tạo; sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể; Ban đại diện cha mẹ học sinh...

 - Đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực đáp ứng nhiệm vụ quản lý và dạy học trong giai đoạn hiện nay; có khả năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp với thực tiễn nhà trường.

 - Điều kiện chính trị - xã hội tại địa phương luôn ổn định, đời sống của đại bộ phận gia đình phụ huynh đảm bảo, sự quan tâm của phụ huynh tới việc học tập, giáo dục của con em ngày một sát sao.

 - Cơ sở vật chất ngày càng khang trang, sạch đẹp, đáp ứng với yêu cầu dạy học hiện nay.

***\* Khó khăn:***

 - Một số năng lực quản lý, năng lực dạy học còn chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý, đổi mới dạy học theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất người học.

 - Giá cả các mặt hàng nông sản vốn là thế mạnh của địa phương những năm gần đây bấp bênh, không ổn định, ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống kinh tế của nhân dân; Một bộ phận phụ huynh điều kiện kinh tế còn khó khăn, phương pháp quản lý và giáo dục học sinh tại gia đình chưa hiệu quả.

 - Cơ sở vật chất chưa đáp ứng với dự báo phát triển trường, lớp học trong những năm tiếp theo; thiếu các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại.

 Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Lương Thế Vinh tổ chức tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị công nhận đạt chuẩn quốc gia với nội dung và kết quả cụ thể như sau:

 2. Mục đích TĐG

 3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

 Nhà trường đã có hệ thống các quy định, quy chế nhằm thể chế hoá các tổ chức và hoạt động của mình. Cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với điều kiện thực tế.

 Quyền hạn và trách nhiệm của viên chức được phân định rõ ràng, công khai. Nhà trường đã làm tốt công tác xây dựng kế hoạch chiến lược và quy hoạch dài hạn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của ngành và địa phương, đáp ứng nhu cầu phát triển của nhà trường.

 Các tổ chức đảng và các đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường hoạt động theo Điều lệ và đạt kết quả cao, góp phần quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển nhà trường. Quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường luôn thực hiện tốt quy chế dân chủ.

 Việc kiểm tra giám sát các quy định, quy chế, quyền hạn trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân thực hiện thường xuyên.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

 b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

 c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

 Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

 Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Chiến lược xây dựng và phát triển Trường Tiểu học Lương Thế Vinh phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục; Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn; Phù hợp với các nguồn lực của nhà trường.

Chiến lược phát triển Trường Tiểu học Lương Thế Vinh được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

 Chiến lược phát triển của nhà trường được niêm yết công khai tại nhà trường.

 Mức 2:

 Nhà trường phối hợp với công đoàn và các đoàn thể, cá nhân tổ chức giám sát thường xuyên và đánh giá kết quả giám sát vào cuối năm học 2019 - 2020 và 2020 - 2021.

 Mức 3:

 Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chiến lược có sự tham gia của thành viên Hội đồng trường, của đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên và đại diện Hội cha mẹ học sinh.

 **2. Điểm mạnh**

 Chiến lược phát triển Trường Tiểu học Lương Thế Vinh được phê duyệt của Phòng Giáo dục và Đào tạo, được các tổ chức, đoàn thể giám sát, được đánh giá, điều chỉnh, bổ sung vào cuối mỗi năm học.

**3. Điểm yếu**

 Chiến lược phát triển nhà trường chưa nhận được sự tham gia góp ý rộng rãi của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục huy động sự tham gia của các bên liên quan, trong đó đặc biệt lưu ý, xin ý kiến của toàn thể phụ huynh và cộng đồng trong việc đánh giá, điều chỉnh chiến lược hằng năm.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Người thực hiện** | **Thời điểm** | **Nguồn lực** |
| Xin ý kiến của cha mẹ học sinh và cộng đồng về đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chiến lược cho năm học 2022 - 2023 | Hiệu trưởng | 01/06/2022 | Nhà trường |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

 b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

 c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

 Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật được thành lập theo quy định.

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

 Hoạt động của các Hội đồng được rà soát, đánh giá vào dịp tổng kết năm học.

 Mức 2:

 Hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật mang lại hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **2. Điểm mạnh**

 Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật được thành lập theo quy định. Hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật mang lại hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Những năm vừa qua, nhà trường chưa phát huy tốt chức năng của các Hội đồng tư vấn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Từ năm học 2021 - 2022, nhà trường thành lập và phát huy tốt vai trò của Hội đồng tư vấn giúp Hiệu trưởng thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm: Tư vấn tâm lý học đường, Tư vấn giáp dục pháp luật.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

 b) Hoạt động theo quy định;

 c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

 Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

 b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

 Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

 b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường có các tổ chức: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

 Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục.

 Hằng năm, hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đều được rà soát, đánh giá.

 Mức 2:

 Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có 01 chi bộ Đảng có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 5 năm liền kề, Chi bộ luôn được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

 Các đoàn thể, tổ chức khác: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội thiếu niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh... có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

 Mức 3:

 Trong 5 năm liền kề, Chi bộ luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

  Các đoàn thể, tổ chức khác đã có đóng góp hiệu quả vào hoạt động của nhà trường.

 **2. Điểm mạnh**

 Chị bộ, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường được thành lập và hoạt động trong khuôn khổ HIến pháp, Pháp luật và điều lệ của mỗi tổ chức. Chi bộ 5 năm liền kề được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**3. Điểm yếu**

 Công đoàn, Đoàn Thanh niên chưa có đóng góp nhiều cho cộng đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Chi bộ có hướng chỉ đạo Công Đoàn, Đoàn Thanh niên có nhiều giải pháp tích cực để đóng góp hiệu quả cho cộng đồng.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

 b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

 c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

 Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

 b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

 Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

 b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng. Số lượng đủ theo quy định.

 Trường có 04 tổ khối chuyên môn và 1 tổ văn phòng. Mỗi tổ chuyên môn có từ 4 - 8 thành viên và 1 tổ văn phòng có 03 thành viên. Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định.

 Hằng năm tổ chuyên môn và tổ văn phòng có xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

 Mức 2:

 Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được một số chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

 Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh vào thời điểm cuối mỗi năm học.

 Mức 3:

 Hoạt động của tổ chuyên môn có những đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

 Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả một số chuyên để chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

 **2. Điểm mạnh**

 Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định. Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được một số chuyên đề chuyên môn nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

**3. Điểm yếu**

 Hoạt động của tổ văn phòng hiệu quả chưa cao. Số lượng chuyên đề của tổ chuyên môn còn ít.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng thông qua các hoạt động Bồi dưỡng thường xuyên trong năm học. Gắn chất lượng hoạt động của tổ với kết quả đánh giá xếp loại viên chức hằng năm.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;

 b) Học sinh đ ược tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;

 c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

 Mức 2:

a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;

 b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;

 c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Tới năm học 2021 - 2022, Trường Tiểu học Lương Thế Vinh có 5 khối/19 lớp, trong đó khối 1 có 4 lớp, khối 2 có 4 lớp, khối 3 có 4 lớp, khối 4 có 4 lớp và khối 5 có 3 lớp.

 Học sinh được tổ chức theo lớp học. Lớp học có Ban cán sự lớp gồm: lớp trưởng, các lớp phó do tập thể học sinh trong lớp bầu ra. Mỗi lớp học được chia thành các tổ học sinh. Mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do học sinh trong tổ bầu.

 Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

 Mức 2:

 Năm học 2021 - 2022, nhà trường có 19 lớp học.

 Mỗi lớp không quá 35 học sinh. Sĩ số học sinh/lớp đúng theo quy định.

 Tổ chức lớp học linh hoạt, phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

 **2. Điểm mạnh**

 Tại thời điểm kiểm tra, nhà trường có 19 lớp học. Mỗi lớp không quá 35 học sinh. Sĩ số học sinh/lớp đúng theo quy định. Tổ chức lớp học linh hoạt, phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

 Hoạt động tự quản của Ban cán sự tại một số lớp hiệu quả chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Hướng dẫn, chỉ đạo giáo viên có biện pháp giúp Ban cán sự lớp hoạt động đúng nguyên tắc dân chủ, tự quản.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Người thực hiện** | **Thời điểm** | **Nguồn lực** |
| Hướng dẫn ban cán sự hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tự quản | Giáo viên | 06/09/2021 | GVCN |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

 b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

 c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

 Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

 Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ.

 Hằng năm, nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.   ,

 Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, đạt hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

 Mức 2:

 Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường: máy tính kết nối internet; phần mềm kế toán https://sme.***misa***.vn/; phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, http://***csdl***.moet.gov.vn/; hệ thống quản lí nhà trường https://www.***s***mas.***edu***.***vn***/ và kí duyệt tài chính bằng phần mềm điện tử.

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

 Mức 3:

 Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường đến năm 2025, trong đó có xác định các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

**3. Điểm yếu**

 Chưa xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn về huy động các nguồn tài chính phát triển nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn về huy động tài chính để phát triển nhà trường giai đoạn 5 năm, tầm nhìn 10 năm.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Người thực hiện** | **Thời điểm** | **Nguồn lực** |
| Xây dựng kế hoạch huy động tài chính phát triển nhà trường giai đoạn 5 năm, tầm nhìn 10 năm | Hiệu trưởng | 01/08/2022 |  |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

 b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

 c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

 Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên nhằm bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý, giáo viên.

 Nhà trường phân công, sử dụng quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả các hoạt động.

 Quản lí, giáo viên, nhân viên luôn được đảm bảo các quyền theo quy định.

 Mức 2:

 Nhà trường luôn có những biện pháp phát huy năng lực của quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục: phân công công việc đúng sở trường, động viên, khen ngợi kịp thời, đánh giá xếp loại khách quan, gắn thành tích của viên chức, người lao động với mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao; đề xuất khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng...

 **2. Điểm mạnh**

 Đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng hằng năm, được đảm bảo các quyền theo quy định. Nhà trường có những biện pháp phát huy năng lực của quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.

**3. Điểm yếu**

 Chưa phát huy tối đa nguồn nội lực hiện có trong mỗi viên chức, người lao động của đơn vị.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục tạo mọi điều kiện, cơ chế để viên chức, người lao động phát huy tối đa sở trường, năng lực hiện có trong việc xây dựng, phát triển và nần cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

 b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

 c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

 Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Kế hoạch giáo dục của Trường Tiểu học Lương Thế Vinh phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

 Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch giáo dục.

 Kế hoạch giáo dục được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo tháng.

 Mức 2:

 Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

 **2. Điểm mạnh**

 Kế hoạch giáo dục của Trường Tiểu học Lương Thế Vinh phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và nhà trường. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

 Một số nội dung trong kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường chưa được thực hiện đúng tiến độ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tăng cường giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra nội bộ, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ và đạt hiệu quả công việc.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

 b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

 c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

 Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

 Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của viên chức, người lao động, phụ huynh nếu thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được giải quyết đầy đủ, đúng pháp luật.

 Hằng năm, nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

 Mức 2:

 Hằng năm, nhà trường phối hợp với đoàn thể, ban thanh tra nhân dân thực hiện cơ chế giám sán việc thực hiện quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

 **2. Điểm mạnh**

 Quy chế dận chủ tại đơn vị được phát huy, mang lại hiệu quả trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật tại đơn vị. Hằng năm, nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Cơ chế giám sát đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

 Ban thanh tra nhân dân, công đoàn chưa phát huy tối đa chức năng, vị trí của tổ chức trong hoạt động chủ trì giám sát thường xuyên việc thực hiện quy chế dân chủ trong đơn vị.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân cần xây dựng kế hoạch, nội dung giám sát cụ thể, chủ trì các hoạt động giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong đơn vị.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

 b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

 c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

 Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

 b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hằng năm, nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền, đảm bảo An ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn thương tích; An toàn phòng chống cháy nổ; An toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; Phòng chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và Phòng, chống bạo lực học đường.

Nhà trường có hộp thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân.

 Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

 Mức 2:

 Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án Đảm bảo an ninh trật tự; An toàn vệ sinh thực phẩm; An toàn phòng chống tai nạn thương tích; An toàn phòng chống cháy nổ; An toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; Phòng chống dịch bệnh; Phòng chống các tệ nạn xã hội; Phòng chống bạo lực trong nhà trường.

 Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Trong các năm học vừa qua, không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự.

 **2. Điểm mạnh**

 Trong những năm học vừa qua, tại đơn vị không xảy ra hiện tượng bạo lực học đường, mất an ninh trật tự trường học.

**3. Điểm yếu**

 Hình thức tuyên truyền chưa phong phú, đa dạng, chưa thu hút được đông đảo phụ huynh cùng tham gia tuyên truyền.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục cải tiến, đổi mới hình thức tuyên truyền đảm bảo lôi quấn, hấp dẫn, huy động được sự tham gia của phụ huynh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1:**

 Nhà trường xây dựng chiến lược phù hợp, được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các Hội đồng đủ cơ cấu và hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ; Các tổ chức đoàn thể phối hợp hiệu quả; trường có đủ cơ cấu về quản lý, tổ chuyên môn; biên chế lớp hoc, học sinh đúng quy định; lưu trữ đầy đủ hồ sơ; hồ sơ thu chi đảm bảo; quyền và lọi ích hợp pháp của quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo; kế hoạch giáo dục được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục, có sự tham gia của các bên liên quan; an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo.

 Năng lực tư vấn của một số thành viên chưa đáp ứng yêu cầu hiện nay; hình thức tổ chức của một số hoạt động trong các tổ chức đoàn thể chưa phong phú; một số nội dung sinh hoạt chuyên đề chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới dạy học giai đoạn hiện nay; năng lực quản trị công nghệ thông tin trong quản lý hành chính còn một số hạn chế; ...

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 10/10 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

 Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trường có 01 Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều có quá trình trực tiếp giảng dạy từ 10 năm trở lên. Hằng năm, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được đánh giá theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng trường tiểu học đạt mức khá trở lên.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

 a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

 b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

 c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

 Mức 2:

 a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

 b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

 Mức 3:

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đạt các yêu cầu theo tiêu chuẩn quy định.

 Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được đánh giá Chuẩn Hiệu trưởng mức khá.

 Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

 Mức 2:

 Trong 05 năm liên tiếp, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá theo Quy định chuẩn hiệu trưởng.

 Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường đã có Bằng Trung cấp lý luận chính trị; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

 Mức 3:

 Trong 5 năm liên tiếp, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng chưa được đánh giá chuẩn hiệu trưởng mức tốt.

 **2. Điểm mạnh**

 Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có đầy đủ văn bằng chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý giáo dục Tiểu học. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được tập huấn các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

**3. Điểm yếu**

 Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng chưa được đánh giá chuẩn hiệu trưởng mức Tốt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có biện pháp tự phấn đấu, rèn luyện, đủ tiêu chuẩn đánh giá chuẩn hiệu trưởng mức tốt.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Người thực hiện** | **Thời điểm** | **Nguồn lực** |
| Tự nghiên cứu, học tập đạt tiêu chuẩn đánh giá chuẩn hiệu trưởng mức tốt. | Hiệu trưởng, hiệu phó | 01/06/2022 | Hiệu trưởng, hiệu phó |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

 a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

 b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

 c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

 Mức 2:

 a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

 c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

 a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT.

 100% giáo viên đảm bảo được đào tạo chuẩn trình độ về chuyên môn, đúng chuyên ngành theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học.

 Đến thời điểm đánh giá, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức đạt trở lên.

 Mức 2:

 Tính đến thời điểm đánh giá, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trình độ giáo viên đạt chuẩn duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình.

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

 Trong năm năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

  Tính tới thời điểm đánh giá, 100% giáo viên của nhà trường đạt chuẩn đào tạo.

 Trong năm năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức khá trở lên, trong đó 30% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức tốt.

 **2. Điểm mạnh**

 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học mức khá trở lên, trong đó trên 30% đạt mức tốt. Nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật.

**3. Điểm yếu**

 Năng lực công nghệ thông tin của một bộ phận giáo viên còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục tạo cơ hội để giáo viên học tập, nâng cao năng lực công nghệ thông tin để chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Người thực hiện** | **Thời điểm** | **Nguồn lực** |
| Tiếp tục tham gia học tập để nâng cao về trình độ CNTT.  | Giáo viên | 03/12/2022 | Giáo viên |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

 a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

 b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

 c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

 Mức 2:

 a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

 a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

 b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có nhân viên kế toán, văn thư, thư viện, y tế học đường và nhân viên bảo vệ. Số lượng nhân viên đáp ứng các nhiệm vụ được giao.

 Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người.

 Nhân viên nhà trường luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

 Mức 2:

 Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

 Nhân viên kế toán, văn thư, y tế và thủ quỹ có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn được giao hoặc có bằng trung cấp trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm và có chứng chỉ bồi dưỡng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

 Hằng năm, nhân viên đều được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định. Nhân viên nhà trường có bằng cấp chuyên môn và nằn lực đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

**3. Điểm yếu**

 Nhân viên kế toán kiêm nhiệm 2 trường, đôi lúc ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng công việc được giao. Nhân viên bảo vệ chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, cho nhân viên kế toán của đơn vị thôi kiêm nhiệm 02 trường.

 Cử nhận viên bảo vệ dự lớp bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ khi được triệu tập.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

 a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định.

 b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

 c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

 Mức 2:

 Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

 Mức 3:

 Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Tuổi học sinh trong nhà trường đảm bảo theo quy định tại điều lệ trường tiểu học.   .

 100% học sinh của trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của học sinh như: thực hiện đầy đủ và có kết quả hoạt động học tập; chấp hành nội quy nhà trường; đi học đều và đúng giờ; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập. Hiếu thảo với cha mẹ, ông bà. Kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, nhân viên và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn. Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp; giữ gìn, bảo vệ tài sản nơi công cộng; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông, tăng cường thể dục rèn luyện thân thể...

 Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường tiểu học và các quy định khác như Luật trẻ em; được nghe phổ biến về an toàn, chống tai nạn thương tích; phòng cháy nổ, phòng chống thảm họa thiên tai; phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm , phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực học đường; hỗ trợ học sinh nghèo, khuyết tật.

 Mức 2:

 Học sinh có dấu hiệu vi phạm các hành vi không được làm đều được phát hiện kịp thời, có biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

 Mức 3:

 Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện được nhà trường, giáo viên biểu dương khen thưởng, xây dựng trở thành những tấm gương điển hình đã có ảnh hưởng tích cự đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

 **2. Điểm mạnh**

 Tuổi của học sinh trong nhà trường đúng theo quy định, học sinh ngoan ngoãn, không vi phạm nội quy. Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện được nhà trường, giáo viên biểu dương khen thưởng, xây dựng trở thành những tấm gương điển hình đã có ảnh hưởng tích cự đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Số lượng học sinh đạt giải trong các cuộc thi, giao lưu cấp huyện, cấp tỉnh còn ít. Chưa xây dựng được nhiều những tấm gương điển hình trong học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nghiên cứu biện pháp nâng cao chất lượng mũi nhọn, phát huy tối đa năng khiếu sở trường của học sinh, từ đó xây dựng thêm nhiều tấm gương điển hình trong học sinh, để học sinh noi theo.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Người thực hiện** | **Thời điểm** | **Nguồn lực** |
| Bồi dưỡng học sinh năng khiếu | Giáo viên | 05/10/2021 | Giáo viên  |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2:**

 Quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định; 100% có trình độ đạt chuẩn. Học sinh đảm bảo về độ tuổi, được đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người học.

 So với quy định về chuẩn trình độ đào tạo quy định tại Luật giáo dục năm 2019, có 07 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ chuyên môn.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

 Được sự quan tâm của lãnh đạo các cấp; sự ủng hộ của phụ huynh, hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học ngày càng được xây dựng, sửa chữa, mua sắm khang trang, đảm bảo các yêu cầu dạy và học. Phòng học, bàn ghế đủ và đúng quy cách, có bảng chống lóa, hệ thống điện chiếu sáng cho học sinh học tập. Khối phòng hành chính, trang thiết bị văn phòng đáp ứng nhu cầu quản lý, dạy và học theo đúng quy định.

 Nhà trường thường xuyên thực hiện các biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục hiện có nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

 a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

 b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

 c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

 Mức 2:

 a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

 b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

 Mức 3:

 Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục

 Điểm chính và điểm lẻ đều có cổng trường, biển tên trường và hàng rào bảo vệ xung quanh, đảm bảo an toàn.

 Điểm chính và điểm lẻ đều có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

 Mức 2:

 Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Tổng diện tích 02 điểm trường 14746,5m2. Trong đó điểm chính 5307m2, điểm lẻ 9439,5 m2.

 Nhà trường có sân chơi, sân tập bằng phẳng đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

 Mức 3:

 Nhà trường có sân chơi, sân tập bằng phẳng, có một số đồ chơi và thiết bị vận động.

 **2. Điểm mạnh**

 Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Nhà trường có sân chơi, sân tập bằng phẳng đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

 Sân chơi, sân tập thiếu bóng mát, đồ chơi và thiết bị vận động chưa đầy đủ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Thường xuyên trồng, chăm sóc cây bóng mát và từng bước mua sắm, lắp đặt đồ chơi và thiết bị vận động đầy đủ, đáp ứng nhu cầu vui chơi của học sinh.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Người thực hiện** | **Thời điểm** | **Nguồn lực** |
| Thường xuyên chăm sóc cây bóng mát | Hiệu trưởng | 19/07/2021 | 10 triệu đồng/năm |
| Mua sắm thêm thiết bị vận động và lắp đặt đồ chơi | Hiệu trưởng | 06/06/2022 | 20 triệu đồng |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

 a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;

 b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;

 c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

 Mức 2:

 a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;

 b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;

 c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

 Mức 3:

 Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có 19 phòng học/19 lớp. Đủ mỗi lớp một phòng học riêng. Quy cách phòng học theo quy định.   ,

 Bàn ghế học sinh đúng tiêu chuẩn, đủ chỗ ngồi cho học sinh. Có bàn ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định.

 Nhà trường có đầy đủ hệ thống đèn, quạt tại các phòng học và phòng làm việc. Có tủ đựng hồ sơ thiết bị dạy học.

 Mức 2:

 Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học.

Hệ thống tủ, kệ, giá đụng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Điều lệ Trường tiểu học; được sắp xếp hợp lý và an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh đảm bảo theo quy định.

 Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Khoa học và Ngoại ngữ, Tin học.

 **2. Điểm mạnh**

 Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định; Hệ thống tủ, kệ, giá đụng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đầy đủ; Có các phòng riêng biệt để dạy các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Khoa học và Ngoại ngữ; Tin học.

**3. Điểm yếu**

 Chưa có phòng học riêng cho môn Khoa học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng bổ sung các hạng mục còn thiếu trong giai đoạn 2023 - 2025.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

 a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

 b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

 c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

 Mức 2:

 a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

 b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

 Mức 3:

 Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có đầy đủ các phòng: giáo dục nghệ thuật, tin học, thiết bị, truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục.

 Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường (các phòng có trang thiết bị tối thiểu để làm việc như, bàn ghế, tủ, máy vi tính và các phương tiện làm việc).

 Trường có 02 khu để xe cho giáo viên và học sinh.  Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

 Mức 2:

 Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, bảo vệ, phòng dành cho nhân viên đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học.

 Nhà trường có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung tại các phòng: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Nhân viên...

 Mức 3:

 Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính quản trị có cơ bản đủ các thiết bị tối thiểu như: tủ đựng hồ sơ, máy tính, máy in ... Các phòng đều được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đầy đủ các phòng thuộc khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính quản trị tại điểm chính. Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

**3. Điểm yếu**

 Nhà trường chưa bố trí được một số phòng phục vụ học tập: Ngoại ngữ, Nghệ thuật tại điểm Tân Bình.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng bổ sung các hạng mục còn thiếu trong giai đoạn 2022 - 2025.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

 a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

 b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

 c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

 Mức 2:

 a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

 b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Mỗi điểm trường đều có khu vệ sinh dành cho giáo viên (nam nữ riêng biệt) và khu nhà vệ sinh dành cho học sinh (nam nữ riêng biệt) đảm bảo không ô nhiễm môi trường.

 Hệ thống thoát nước nước tại hai điểm trường đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

 Việc thu gom rác và xử lý chất thải của trường đảm bảo vệ sinh môi trường.

 Mức 2:

 Các khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học.

 Hệ thống cấp nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, hệ thống thoát nước đảm bảo không để nước ứ đọng; thu gom, xử lý chất thải được thực hiện hằng ngày, không để rác thải tồn đọng.   ,

 **2. Điểm mạnh**

 Các khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Hệ thống cấp nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, hệ thống thoát nước đảm bảo không để nước ứ đọng; thu gom, xử lý chất thải được thực hiện hằng ngày, không để rác thải tồn đọng.

**3. Điểm yếu**

 Chưa có hệ thống thùng đựng phân loại rác thải.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Mua sắm, trang bị hệ thống thùng đựng phân loại rác thải.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Người thực hiện** | **Thời điểm** | **Nguồn lực** |
| Mua sắm, trang bị hệ thống thùng đựng, phân loại rác thải. | Hiệu trưởng | 02/07/2022 | 20 Triệu |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

 a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

 b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

 c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

 Mức 2:

 a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

 b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

 c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

 Mức 3:

 Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường như: máy tính, máy in…

 Nhà trường có đủ thiết bị dạy học thep quy định.

 Hằng năm, các thiết bị đều được kiểm kê, sửa chữa.

 Mức 2:

 Hệ thống máy vi tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

 Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

Hằng năm, nhà trường bổ sung thêm các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học do giáo viên tự làm.

 Mức 3:

 Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **2. Điểm mạnh**

 Thiết bị dạy học cơ bản đầy đủ, hệ thống máy tính được kết nối mạng internet. Thiết bị dạy học được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Thiếu các trang thiết bị dạy học hiện đại: ti vi, đèn chiếu,...

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nghiên cứu giải pháp huy động, đề xuất mua sắm trang thiết bị dạy học hiện đại.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Người thực hiện** | **Thời điểm** | **Nguồn lực** |
| Mua sắm trang thiết bị dạy học hiện đại | Hiệu trưởng | 01/07/2022 | 150 Triệu |

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

 a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

 b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

 c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

 Mức 2:

 Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

 Mức 3:

 Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học.

 Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

 Hằng năm, thư viện đều tiến hành kiểm kê và bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo từ nguồn ngân sách của nhà trường và từ các nguồn tài trợ của các dự án, từ sự đóng góp của giáo viên, học sinh.   ,

 Mức 2:

 Thư viện của nhà trường đạt tiêu chuẩn Thư viện trường học đạt chuẩn (theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông).

 Mức 3:

Thư viện của nhà trường chưa đủ điều kiện đạt Thư viện trường học tiên tiến (theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông).

Hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

 **2. Điểm mạnh**

 Thư viện nhà trường đủ điều kiện công nhận thư viện đạt chuẩn, hệ thống máy tính được kết nối internet.

**3. Điểm yếu**

 Thư viện chưa đủ điều kiện đạt thư viện trường học tiên tiến.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Ngiên cứu giải pháp xây dựng thư viện đủ điều kiện đạt thư viện trường học tiên tiến trong giai đoạn 2023 - 2025.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 3:**

 Khuôn viên nhà trường sạch, đẹp, an toàn; đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động giáo dục; tỷ lệ phòng học đáp ứng 1 lớp/phòng; bàn ghế giáo viên, học sinh đúng, đủ theo quy định; khối phòng phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu cơ bản; khu vệ sinh; khu để xe; hệ thống nước sạch đảm bảo; thiết bị đủ phục vụ nhu cầu dạy học, hàng năm được sửa chữa, bổ sung;thư viện đủ điều kiện đạt chuẩn.

 Độ che phủ bóng mát chưa đảm bảo; thiếu một số phòng bộ môn tại điểm lẻ; thiếu các thiết bị dạy học hiện đại.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 6/6 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

 Nhà trường đã chủ động phối hợp với địa phương, Ban đại diện Cha mẹ học sinh và các tổ chức đoàn thể trong các hoạt động giáo dục và dạy học, huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, đầy đủ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

 a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

 b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

 c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

 Mức 2:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

 Mức 3:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT.   ,

 Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động theo năm học.

 Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ.

 Mức 2:

 Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục.

 Mức 3:

 Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

 **2. Điểm mạnh**

 Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường được thành lập và tổ chức hoạt động theo Điều lệ quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

 Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp chưa hiệu quả với nhà trường trong việc tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính về giáo dục đối với cha mẹ học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tiếp tực nghiên cứu giải pháp phát huy tốt vai trò của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong công tác phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính về giáo dục đối với cha mẹ học sinh.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

 a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

 b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

 c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

 Mức 2:

 a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

 b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

 Mức 3:

 Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chiến lược phát triển nhà trường, kế hoạch nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường trong từng năm học và theo giai đoạn.

 Thông qua các cuộc họp Hội đồng, Họp phụ huynh, nhà trường tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường tới toàn thể đội ngũ viên chức, người lao động và phụ huynh.

 Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng theo đúng quy định hiện hành.

 Mức 2:

 Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cụ thể bằng các tờ trình đề xuất kế hoạch xây dựng trường chuẩn Quốc gia; tờ trình xin xây dựng bổ sung cơ sở vật chất, tờ trình đề nghị phê duyệt chiến lược phát triển nhà trường, tờ trình phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ năm học...

 Hằng năm, nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình có công với cách mạng tại địa phương. ,

 Mức 3:

 Nhà trường đã, đang và tiếp tục tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để từng bước xây dựng trường trở thành trung tâp văn hóa, giáo dục ở địa phương.   ,

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có biện pháp chủ động tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Hằng năm, nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình có công với cách mạng tại địa phương.

**3. Điểm yếu**

 Việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâp văn hóa, giáo dục ở địa phương chưa đạt được kết quả như mong muốn: Khuôn viên chưa được phủ xanh bóng mát, sân chơi cho học sinh chưa phong phú, chưa thực hiện tốt phương châm "Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyên đẹp"  "lấy cái đẹp dẹp cái xấu"...

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Huy động nguồn lực xây dựng khuôn viên phủ xanh bóng mát, tạo ra nhiều sân chơi cho học sinh, nghiên cứu giải pháp thực hiện hiệu quả phương châm "Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyên đẹp", "lấy cái đẹp dẹp cái xấu"...

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 4:**

 Ban đại diện cha mẹ học sinh được kiện toàn hàng năm, phối hợp hiệu qủa với nhà trường trong dạy học và giáo dục học sinh; nhà trường chủ động tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong chiến lược phát triển nhà trường; xây dựng kế hoạch huy động hiệu quả các nguồn lực; phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể trong công tác giáo dục giá trị truyền thống, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

 Hình thức tổ chức trong một số hoạt động giáo dục chưa phong phú, đa dạng.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

 Hằng năm, nhà trường xây dựng thực hiện kế hoạch, chương trình và các hoạt động giáo dục đầy đủ, bám sát vào các văn bản hướng dẫn của các cấp quản lý, thực hiện kịp thời, đạt hiệu quả các nhiệm vụ giáo dục tiểu học trong năm học và các nhiệm vụ đột xuất. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

 a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

 b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

 c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

 Mức 2:

 a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

 b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hoạt động giáo dục của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Chương trình giáo duc phổ thông cấp học, đảm bảo các quy định về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

 Kế hoạch giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch.

 Kế hoạch giáo dục được giải trình và được phê duyệt của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

 Mức 2:

Kế hoạch giáo dục đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Kế hoạch giáo dục được phổ biến trong cuộc họp, niêm yết công khai tại đơn vị để viên chức, người lao động, học sinh, cha mẹ học sinh và các tổ chức đoàn thể biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

 **2. Điểm mạnh**

 Kế hoạch giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch, được cấp co thẩm quyền phê duyệt, được niêm yết công khai tại đơn vị.

**3. Điểm yếu**

 Kế hoạch giáo dục thiếu phương thức phổ biến để đông đảo phụ huynh và cộng đồng biết, phối hợp tham gia giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tranh thủ tối đa các kênh liên lạc: zalo, messenger, phối hợp với bộ phận truyền thông đia phương để phổ biến, truyền tải nội dung kế hoạch giáo dục của nhà trường tới đông đảo phụ huynh, nhân dân và cộng đồng, đồng thời niêm yếu công khai kế hoạch giáo dục của nhà trường tại các điểm hay tập trung đông người: nhà văn hóa thôn bon, trụ sở ủy ban, cổng trường,...

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

 a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

 b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

 c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

 Mức 2:

 a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

 b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

 Mức 3:

 Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.

 Giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với học sinh và điều kiện nhà trường.

 Giáo viên thực hiện đúng các quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

 Mức 2:

 Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.   ,

 Hằng năm, nhà trường chỉ đạo các tổ khối, giáo viên để ý phát hiện và có kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đao học sinh khó khăn trong học tập, rèn luyện.   ,

 Mức 3:

 Hằng năm, nhà trường đều tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Hằng năm, nhà trường chỉ đạo các tổ khối, giáo viên để ý phát hiện và có kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đao học sinh khó khăn trong học tập, rèn luyện.

**3. Điểm yếu**

 Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu hiệu quả chưa cao, đổi mới phương thức dạy học chưa đồng bộ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục có giải pháp thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bồi dưỡng học sinh năng khiếu; xây dựng cơ chế, kịp thời biểu dương, khen thưởng xứng đáng cho học sinh và giáo viên đạt thành tích cao. Đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Gắn kết quả sản phẩm đầu ra với thành tích đạt được của giáo viên trong năm học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

 a) Đảm bảo theo kế hoạch;

 b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

 c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

 Mức 2:

 Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

 Mức 3:

 Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Các hoạt động giáo dục trải nghiệm, ngoài giờ lên lớp,... của nhà trường luôn được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch đã đề ra.

 Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được tổ chức bằng nhiều hình thức và phù hợp với điều kiện nhà trường.

 Các hoạt động giáo dục đều đảm bảo tất cả học sinh được tham gia.

 Mức 2:

 Kế hoạch giáo dục của nhà trường được tổ chức hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.   ,

 Mức 3:

 Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục bước đầu phân hóa theo nhu cầu và năng lực sở trường của học sinh.   ,

 **2. Điểm mạnh**

 Kế hoạch giáo dục của nhà trường được tổ chức hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

**3. Điểm yếu**

 Một số hình thức tổ chức còn mang tính tuyên truyền một chiều, chưa đủ sức lôi quấn học sinh tự nguyện tham gia; chưa phân hóa theo nhu cầu và năng lực sở trường của học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục tìm hiểu, học hỏi các mô hình, phương thức tổ chức các hoạt động giáo dục hấp dẫn, lôi cuốn học sinh tự nguyện tham gia, đáp ứng nhu cầu và năng lực sở trường của học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

 a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;

 b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;

 c) - Quản lý hồ sơ.

- Số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

 Mức 2:

 Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

 Mức 3:

 Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hằng năm, nhà trường luôn hoàn thành nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công.

 Trong địa bàn tuyển sinh của trường, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

 Nhà trường thực hiện quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ - CP ngày 24 tháng 03 năm 2014  của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

 Mức 2:

 Trong địa bàn tuyển sinh của nhà trường, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt 100%.

 Mức 3:

 Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường thực hiện tốt công tác Phổ cập giáo dục tại địa phương. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, huy động trẻ 6 tuổi ra lớp luôn đạt 100%.

**3. Điểm yếu**

 Không có

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục duy trì các biện pháp, thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục tại địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

 a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;

 b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;

 c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

 Mức 2:

 a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;

 b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

 Mức 3:

 a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;

 b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Những năm gần đây, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên 98%.

 Trong 05 năm qua, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt trên 90%.

 Tỷ lệ học sinh đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

 Mức 2:

 Kết quả giáo dục hằng năm của nhà trường luôn ổn định, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên mức 98%.

 Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt trên 90%. Trẻ 11 tuổi còn lại đều đang học tại các lớp tiểu học.

 Mức 3:

 Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt tên 98%.

 Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt trên 90%. Trẻ 11 tuổi còn lại đều đang học tại các lớp tiểu học.

 **2. Điểm mạnh**

 Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên mức 98%. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt trên 90%. Trẻ 11 tuổi còn lại đều đang học tại các lớp tiểu học.

**3. Điểm yếu**

 Tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học vẫn còn 2%. Tỷ lệ trẻ 11 tuổi chưa hoàn thành chương trình tiểu học còn 10%.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục phát huy những ưu điểm đã đạt được, từng bước giảm tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, học sinh chưa hoàn thành chương trình tiểu học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 5:**

 Kế hoạch giáo dục đảm bảo theo quy định, đạt mục tiêu giáo dục toàn diện; nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học theo quy định; giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật, quy trình dạy học phát huy năng lực, phẩm chất dạy học; xây dựng và triển khai hiệu quả các kế hoạch trải nghiệm, NGLL đảm bảo tất cả học sinh đều được tham gia; nhà trường luôn thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục.

 Chưa có nhiều giải pháp đột phá trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục; nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục chưa đảm bảo sự phân hóa theo nhu cầu và năng lực học sinh.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 5/5 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**

**Tiêu chí 1**: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 2**: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 3**: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 4**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 5**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Kết luận:**

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
	+ Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/27 chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: (27/27) (19/19) tiêu chí chiếm 100 %
* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
	+ Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %

 Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Tiểu học Lương Thế Vinh tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức I.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG TIỂU HỌC LƯƠNG THẾ VINH tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt mức độ 2 trường chuẩn Quốc Gia.

*Đắk Môl, ngày 30 .tháng 5 năm 2023.*

|  |  |
| --- | --- |
|   | **HIỆU TRƯỞNG***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phần IV**

**PHỤ LỤC**